TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 23-10-2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Quốc Bảo

Bà Nguyễn Thị Liên

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trần Thị Minh Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam***: Bà Trần Thị Thanh Bắc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2019/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 73/2019/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Toà án nhân dân thị xã Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Thị Ánh Ng, sinh năm 1989, địa chỉ: Khối N, phường Đ, Thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Ánh Ng: Ông Trần Văn Đ, Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV HP và Cộng sự, thuộc đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng.

- **Bị đơn**: Ông Lê Đức Ph, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn Tr, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam;

+ Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1975, địa chỉ: Tổ 45, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà Lê Phương D, sinh năm 1981;

+ Ông Lê Đức Đ, sinh năm 1955;

+ Ông Lê Đức Q, sinh năm 1985;

+ Ông Lê Đức Tr, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Thôn Tr, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà Trần Thị A, sinh năm: 1968, địa chỉ: Khối N, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh Ng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh Ng trình bày:

Tôi và ông Lê Đức Ph kết hôn vào ngày 22/8/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐP, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Chúng tôi kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng tại Thôn Tr, xã Đ, thị xã Đ. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do sau khi sinh con và khi con được một tuổi, sức khỏe tôi không tốt nên không đáp ứng được nhu cầu của ông Ph nên chúng tôi thường xuyên cãi nhau, ông Ph đánh đập tôi thường xuyên làm ảnh hưởng đến tâm lý của tôi và con, tình trạng đó kéo dài dù đã được gia đình ngăn cản, khuyên nhủ nhiều. Đầu tháng 6/2018, vợ chồng chúng tôi chuyển về nhà mẹ ruột tôi tại khối N, phường Đ sinh sống vì chúng tôi đang xây nhà tại khối N. Ngày 28/8/2018, tôi đi khám bệnh tại Bệnh viện H Đà Nẵng tình cờ gặp bạn và đi uống cà phê thì ông Ph bắt gặp và vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Trong ngày đó ông Ph đánh tôi và dẫn con về nhà cha mẹ ruột tại Thôn Tr, xã Đ sinh sống, vợ chồng tôi sống ly thân từ ngày 28/8/2018 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn tồn tại, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Ph.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Nguyễn Hoài A, sinh ngày 18/02/2015. Từ khi vợ chồng sống ly thân, từ ngày 28/8/2018 đến nay, con tôi sống với ông Ph tại nhà cha mẹ ruột ông Ph, thỉnh thoảng tôi vẫn về thăm con. Ông Ph và gia đình nội vẫn chăm sóc con tốt, con vẫn đi học đầy đủ, vẫn khỏe mạnh, vui vẻ. Tuy nhiên, con tôi là con gái, nên việc con đau ốm, tắm giặt và lo cho sinh hoạt hàng ngày thì tôi sẽ chăm sóc tốt hơn ông Ph. Do đó, khi ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi con chung, tôi không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, tôi đang làm nhân viên văn phòng tại Khu công nghiệp ĐN, thu thập bình quân hàng tháng khoảng 6.500.000 đồng, tôi chỉ đi làm giờ hành chính nên việc đưa đón con đi học đều đảm bảo.

Về tài sản chung: Tôi và ông Ph có tài sản chung gồm nhà và đất tại thửa số D2-20, tờ bản đồ số KT04/11, diện tích 81m^2 tại Khối N, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung theo pháp luật, ngày 21/3/2019 Tòa án đã tiến hành định giá tài sản chung của tôi và ông Ph. Tôi đồng ý với kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá và không yêu cầu Tòa án tiến hành định giá lại tài sản tranh chấp giữa tôi và ông Ph. Tôi không có nguyện vọng

nhận nhà, tôi giao nhà cho ông Ph và ông Ph có trách nhiệm thối trả phần giá trị chênh lệch cho tôi.

Về nợ chung: Tôi và ông Ph có những khoản nợ chung gồm:

- Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc số tiền là 65.214.897 đồng (tính đến ngày 05/4/2019) và lãi phát sinh.
- Nợ ông Nguyễn Tiến D số tiền là 70.000.000 đồng.
- Nợ bà Lê Phương D số tiền là 140.000.000 đồng.
- Nợ ông Lê Đức Đ 1,5 lượng vàng 9999 và 20.000.000 đồng.
- Nợ ông Lê Đức Q số tiền là 60.000.000 đồng.
- Nợ ông Lê Đức Tr số tiền là 144.150.000 đồng.
- Nợ bà Trần Thị A số tiền là 60.000.000 đồng.

Những khoản nợ trên, vợ chồng mượn để mua đất và làm nhà. Nay ly hôn, tôi yêu cầu giải quyết nợ chung theo pháp luật.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Đức Ph trình bày:

Tôi và bà Nguyễn Thị Ánh Ng kết hôn vào ngày 22/8/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐP, chúng tôi kết hôn trên cơ sỡ tự nguyện và được tổ chức lễ cưới vào ngày 30/8/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chúng tôi về chung sống tại nhà cha mẹ ruột tôi tại thôn Tr, xã ĐP, thị xã Đ. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng tôi cảm nhận rõ sự vô tâm, vô trách nhiệm với gia đình của bà Ng nhưng tôi vẫn cố gắng vì con gái và ba, mẹ hai bên. Nhưng tôi không thể ngờ rằng trong quá trình chung sống bà Ng đã lén lút quan hệ ngoại tình với người yêu cũ. Đến ngày 28/8/2018, tôi bắt gặp bà Ng đi chơi cùng người yêu cũ, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và bà Ng bỏ chồng, bỏ con về nhà cha mẹ tại phường Đ sống riêng từ đó đến nay và gửi đơn ly hôn tôi. Vợ chồng tôi đã sống ly thân từ ngày 28/8/2018 đến nay, trong thời gian sống ly thân chúng tôi không liên lạc nhau, tình cảm vợ chồng không còn, bà Ng yêu cầu ly hôn, tôi đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Nguyễn Hoài A, sinh ngày 18/2/2015. Con tôi hiện nay đang sống với tôi. Khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà Ng cấp dưỡng nuôi con chung. Tôi không đồng ý giao con chung cho bà Ng nuôi vì các lý do sau: Con tôi từ khi sinh ra đến nay đã sống cùng tôi tại nhà cha,mẹ ruột tôi tại Thôn Tr, xã Đ, được tôi cùng cha, mẹ ruột tôi chăm sóc, nuôi dưỡng rất tốt và đã ổn định mọi mặt về môi trường sống sinh hoạt và học tập của con. Trong thời gian sống ly thân, bà Ng bỏ con lại cho tôi để đi theo tiếng gọi tình yêu từ tháng 8/2018 đến nay mà không hề thương nhớ con, rất ít đến thăm con. Con tôi sống rất vui vẻ, mạnh khỏe, ngoan ngoãn và học tập tốt tại Trường Mẫu giáo ĐP dù không có mẹ bên cạnh và cũng không cần đến mẹ, không đòi mẹ. Gia đình bà Ng rất phức tạp, mẹ bà Ng đã ly hôn, sau khi ba, mẹ ly hôn bà Ng về sống cùng mẹ. Tôi không muốn con tôi dẫm theo bước chân của bà Ng trở thành người hư hỏng vì con tôi là bé gái nên tôi không thể giao con cho bà Ng nuôi. Hiện nay tôi đang làm việc tại Doanh nghiệp Mộc Nội thất Lê

Đức Tr, địa chỉ: Thôn Tr, xã Đ, nơi làm việc gần nhà nên tôi có đủ điều kiện về thời gian và kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt, thêm vào đó là sự giúp đỡ của ba mẹ tôi cùng tôi chăm sóc, nuôi dưỡng con tôi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi thống nhất như bà Ng trình bày. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng nhận nhà và sẽ thối trả phần giá trị chênh lệch cho bà Ng.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam trình bày: Ông Lê Đức Ph có vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp ĐN-ĐN phục vụ nhu cầu phát triển hoạt động sản xuất của gia đình theo Hợp đồng tín dụng số 4218LAV201800677 ngày 19/6/2018 với hạn mức cho vay tối đa là 80.000.000 đồng. Đến ngày 04/6/2019, tổng dư nợ của ông Ph tại Ngân hàng là 66.179.720 đồng, lãi tính đến ngày 04/6/2019. Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng trên, ông Ph đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất có Giấy chứng nhận số CC885044 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 02/02/2016 thuộc sở hữu chung của ông Lê Đức Ph và bà Nguyễn Thị Ánh Ng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 164/2018/HĐTC ngày 07/6/2018. Nay ông Lê Đức Ph và bà Nguyễn Thị Ánh Ng ly hôn, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc đề nghị Tòa án yêu cầu ông Ph bà Ng giữ nguyên nghĩa vụ thực hiện hợp đồng của ông Lê Đức Ph đối với số tiền đã vay và tài sản thế chấp cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp ĐN-ĐN cho đến khi các bên thực hiện xong nghĩa vụ đã thỏa thuận với ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Lê Đức Q trình bày: Vào ngày 08/7/2018 tôi có cho vợ chồng ông Lê Đức Ph và bà Nguyễn Thị Ánh Ng mượn số tiền là 60.000.000 đồng, mục đích mượn để làm nhà. Ông Ph là người trực tiếp đứng ra mượn tiền, nhận tiền và viết giấy mượn tiền cho tôi. Nay ông Lê Đức Ph và bà Nguyễn Thị Ánh Ng ly hôn, tôi yêu cầu ông Ph và bà Ng có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), tôi không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra tôi không có ý kiến khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đức Đ trình bày: Vào ngày 24/12/2016 tôi có cho ông Lê Đức Ph và bà Nguyễn Thị Ánh Ng mượn 1,5 lượng vàng để mua đất, đến ngày 19/7/2018 mượn tiếp 20.000.000 đồng để làm nhà. Nay ông Lê Đức Ph và bà Nguyễn Thị Ánh Ng ly hôn, tôi yêu cầu ông Ph và bà Ng có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền và vàng, tôi không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, tôi không có ý kiến khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị A trình bày: Khoảng tháng 4/2018 tôi có cho vợ chồng ông Lê Đức Ph và bà Nguyễn Thị Ánh Ng vay số tiền 60.000.000 đồng. Nay ông Lê Đức Ph và bà Nguyễn Thị Ánh Ng ly hôn, tôi yêu cầu ông Ph và bà Ng có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền là 60.000.000 đồng, tôi không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra tôi không có ý kiến khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiến D trình bày: Khoảng tháng 6/2018 vợ chồng ông Lê Đức Ph và bà Nguyễn Thị Ánh Ng vay số

tiền 70.000.000 đồng. Nay ông Lê Đức Ph và bà Nguyễn Thị Ánh Ng ly hôn, tôi yêu cầu ông Ph và bà Ng phải có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền là 70.000.000 đồng, tôi không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra tôi không có ý kiến khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đức Tr trình bày: Vào ngày 10/3/2018 tôi có nhận làm mới phần mộc nội thất gỗ cho ông Lê Đức Ph và bà Nguyễn Thị Ánh Ng với số tiền là 144.150.000 đồng. Nay ông Lê Đức Ph và bà Nguyễn Thị Ánh Ng ly hôn, tôi yêu cầu ông Ph và bà Ng phải có trách nhiệm trả cho tôi số tiền là 144.150.000 đồng, tôi không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra tôi không có ý kiến khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Phương D trình bày: Vào ngày 01/01/2016 tôi có cho vợ chồng ông Lê Đức Ph và bà Nguyễn Thị Ánh Ng mượn 20.000.000 đồng mục đích là để mua đất, đến ngày 24/3/2018 vợ chồng tiếp tục mượn thêm số tiền 120.000.000 đồng, tổng cộng hai lần số tiền 140.000.000 đồng. Nay ông Ph và bà Ng ly hôn, tôi yêu cầu ông Ph và bà Ng phải có trách nhiệm trả cho tôi số tiền là 140.000.000 đồng, tôi không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra tôi không có ý kiến khác.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 73/2019/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Toà án nhân dân thị xã Đ đã áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 33, 51, 55, 57, 38, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ánh Ng đối với ông Lê Đức Ph về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn".

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ánh Ng và ông Lê Đức Ph.

Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Hoài A, sinh ngày 18/02/2015 cho ông Lê Đức Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Bà Ng được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền cản trở, vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chia cho ông Lê Đức Ph được nhận và sở hữu một Ngôi nhà 2 tầng, móng đá, trụ, khung dầm, giằng, trụ bê tông cốt thép, tường xây 110 kể cả mặt trước 220, sàn đúc, mái đúc và diện tích đất 81m^2 tại thửa số D2-20, tờ bản đồ số KT04/11 địa chỉ Khu đô thị A, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, trị giá 1.323.093.528 đồng. Ông Lê Đức Ph phải có nghĩa vụ làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu đối với diện tích đất tại thửa số D2-20, tờ bản đồ số KT04/11, diện tích đất 81m^2 địa chỉ Khu đô thị A, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam theo quy định của pháp luật sau khi thanh toán các nghĩa vụ. Tổng giá trị tài sản anh Lê Đức Ph được nhận và sở hữu là 1.323.093.528 đồng.

Chia cho bà Nguyễn Thị Ánh Ng được nhận là: 353.706.904 đồng.

Ông Lê Đức Ph có nghĩa vụ thối trả cho bà Nguyễn Thị Ánh Ng số tiền chênh lệch trong khối tài sản chung là 353.706.904 đồng, ông Lê Đức Ph có nghĩa vụ trả các khoản nợ sau: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp ĐN-ĐN số tiền là 66.179.720đ, lãi tính đến ngày 04/6/2019; ông Lê Đức Đ số tiền là 20.000.000 đồng và 1,5 lượng vàng (9999%) (giá trị vàng tại thời điểm xét xử là 3.690.000 đồng/1 chỉ); bà Lê Phương D số tiền là 140.000.000 đồng; ông Lê Đức Q số tiền 60.000.000 đồng; ông Lê Đức Tr số tiền 144.150.000 đồng; ông Nguyễn Tiến D số tiền là 70.000.000 đồng; bà Trần Thị A số tiền 60.000.000 đồng. Tổng cộng 615.679.720 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí thẩm định, định giá tài sản, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 12/6/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh Ng có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc nuôi con và phân chia tài sản chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Ng rút một phần kháng cáo về phần tài sản chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ánh Ng, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ng và ông Ph tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã ĐP, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Tòa án cấp sơ thẩm xử cho bà Ng và ông Ph được thuận tình ly hôn, ông bà không kháng cáo nên phần quan hệ hôn nhân của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét.

[2] Xét kháng cáo của bà Ng về việc nuôi con chung, Hội đồng xét xử xét thấy, ông Ph và bà Ng có một con chung là cháu Lê Nguyễn Hoài A, sinh ngày 18/2/2015, bà Ng và ông Ph đều có thu nhập ổn định và đủ điều kiện để nuôi dạy cháu An, nuôi con là trách nhiệm của cả cha và mẹ, nguyện vọng nuôi con của bà Ng và ông Ph là chính đáng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi phải đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu An.

Từ khi bà Ng và ông Ph sống ly thân từ ngày 28/8/2018, cháu An sống với ông Ph và đi học tại Trường Mẫu giáo ĐP tại thôn Tr, xã ĐP, thị xã Đ và được ông Ph chăm sóc, giáo dục và phát triển bình thường. Vì vậy, để tránh xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự ổn định, phát triển bình thường của cháu An, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các yếu tố về hoàn cảnh, tình cảm và tâm lý của cháu nên

đã giao cháu An cho ông Ph chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Ng. Tuy nhiên, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn bà Ng vẫn có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản bà thực hiện quyền này. Khi cần thiết, bà có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Ng rút một phần kháng cáo về phần tài sản chung, do đó Hội đồng xét xử xét đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo này của bà.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Khu công nghiệp ĐN-ĐN là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đúng vì chi nhánh Ngân hàng không có tư cách pháp nhân. Trong trường hợp này, cần phải xác định Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm đã tính đúng theo quy định của pháp luật.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Ng phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ánh Ng, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 73/2019/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Toà án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ánh Ng về phần chia tài sản chung khi ly hôn.

Áp dụng các điều 28, 35, 37, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 33, 51, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh Ng

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ánh Ng được thuận tình ly hôn với ông Lê Đức Ph.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Hoài A, sinh ngày 18/02/2015 cho ông Lê Đức Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng

xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật tố tụng dân sự.

3. Về tài sản chung:

- Giao cho ông Lê Đức Ph được nhận và sở hữu một ngôi nhà 2 tầng, móng đá, trụ, khung dầm, giằng, trụ bê tông cốt thép, tường xây 110 kể cả mặt trước 220, sàn đúc, mái đúc gắn liền với diện tích đất 81m^2 tại thửa số D2-20, tờ bản đồ số KT04/11 tại Khu đô thị A, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Lê Đức Ph có nghĩa vụ thối trả cho bà Nguyễn Thị Ánh Ng số tiền chênh lệch trong khối tài sản chung là 353.706.904 đồng.

- Ông Lê Đức Ph có nghĩa vụ trả các khoản nợ sau:

+ Trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Khu công nghiệp ĐN-ĐN số tiền là 66.179.720đ, lãi tính đến ngày 04/6/2019;

+ Trả cho ông Lê Đức Đ số tiền là 20.000.000 đồng và 1,5 lượng vàng (9999%) (giá trị vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 04/6/2019 là 3.690.000 đồng/1 chỉ);

+ Trả cho bà Lê Phương D số tiền là 140.000.000 đồng;

+ Trả cho ông Lê Đức Q số tiền 60.000.000 đồng;

+ Trả cho ông Lê Đức Tr số tiền 144.150.000 đồng;

+ Trả cho ông Nguyễn Tiến D số tiền là 70.000.000 đồng;

+ Trả cho bà Trần Thị A số tiền 60.000.000 đồng.

Tổng cộng 615.679.720 đồng.

Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản: Ông Lê Đức Ph có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ánh Ng số tiền chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản là 1.500.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ánh Ng phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 17.685.345 đồng tiền án chia tài sản chung nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Ng đã nộp là 2.800.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001657 ngày 02/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Số tiền án phí còn lại bà Nguyễn Thị Ánh Ng phải nộp là 15.185.345đ. Ông Lê Đức Ph phải chịu tiền án phí chia tài sản chung là 17.685.345đ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt phải chịu 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001657 ngày 02/01/2019 và biên lai thu số 0001682 ngày 14/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 23/10/2019).

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Quảng Nam;*
- *TAND thị xã Đ;*
- *CC THADS thị xã Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Thịnh